

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 460/2026/DS-PT
Ngày: 22 – 5 – 2026
V/v tranh chấp về dân sự – Yêu cầu
chia thừa kế quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương
Ông Võ Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/5/2026 và ngày 22/5/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2026/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc “V/v Tranh chấp về dân sự – Yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 828/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Hòa T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số nhà 0, đường T, phường M, tỉnh Đồng Tháp. Hợp đồng ủy quyền ngày 24/4/2026.

Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị P, sinh năm 1961.

2/ Bà Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), sinh năm 1963.

3/ Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1976.

4/ Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

5/ Bà Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1969.

6/ Bà Trần Thị Thùy Tr, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

7/ Ông Trần Văn S, sinh năm 1950 (chết năm 1986).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S:

7.1. Bà Lê thị P, sinh năm 1951.

7.2. Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1978.

7.3. Ông Trần Hữu P, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp)

7.4. Bà Phan Thị Hồng N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

7.5. Bà Phan Thị Bích L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

8/ Bà Trần Thị Thanh G, sinh năm 1967.

Đại diện theo ủy quyền cho bà G: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp. Giấy ủy quyền vào ngày 29/9/2015.

9/ Chị Đặng Trần Ngọc Thanh D, sinh năm 1993.

10/ Anh Huỳnh Trần Quốc Th, sinh năm 1988.

11/ Chị Trần Thanh H, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

12/ Chị Trần Bình Phương N, sinh năm 1993.

13/ Ông Trần Phúc P, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

14/ Văn phòng công chứng M.

Trụ sở: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

15/ Ông Đặng Minh V, sinh năm 1967.

16/ Cháu Lê Đặng Thiên B, sinh năm 2016

17/ Cháu Lê Đặng Thiên Ph, sinh năm 2017

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị P, bà Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thanh Th, bà Trần Thị Thùy Tr, bà Lê Thị P, chị Phan Thị Hồng N: Luật sư Võ Thanh V - Công ty luật TNHH một thành viên T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Ông T, bà Th, ông N, Luật sư V có mặt tại phiên tòa. Bà V, bà P, bà B, bà L, bà T, bà Th, bà Tr, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn S, anh P, chị N, chị L, Văn phòng công chứng M có đơn xin vắng mặt. Chị Thanh D, anh T, chị H, chị N, anh P, ông V, Thiên B, Thiên P vắng mặt.

- Kháng cáo: Bà Trần Thị Thanh T là nguyên đơn; Bà Trần Thị V là bị đơn và bà Trần Thị Thanh G; bà Trần Thị P; bà Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của vụ án kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:***

Cha, mẹ của bà T là cụ Trần Văn B, sinh năm 1929 (chết năm 1987) và cụ Trần Thị P sinh năm 1929 (chết ngày 21/9/2013).

Quá trình chung sống 02 cụ có 09 người con chung gồm Trần Thị V, Trần Thị P, Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), Trần Thị Thanh G, Trần Thị Thanh Th, Trần Thị Thanh T, Trần Thị Thanh T, Trần Thị Thùy Tr, Trần Thị Thùy L.

Ngoài ra, cụ P có 01 con riêng là ông Trần Văn S, sinh năm 1950 (chết năm 1986). Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S gồm bà Lê Thị P, chị Phan Thị Hồng N, chị Phan Thị Bích L, chị Trần Thị Kim N, anh Trần Hữu P.

Sinh thời cha mẹ bà T có tạo lập được diện tích đất thuộc thửa đất số 3149, tờ bản đồ ATDC1, diện tích 1.647m², đất tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 2007. Quá trình sử dụng đất, cụ P đã thực hiện các giao dịch chuyển nhượng, tặng cho, hiến đất làm đường một phần trong thửa đất trên. Hiện thửa đất số 3149 còn lại là 1.559m².

Vào ngày 02/10/2012, cụ P đã lập di chúc tặng cho bà T một phần trong thửa đất trên. Cụ P chết vào ngày 21/9/2013. Ngày 24/4/2015, bà T yêu cầu công bố bản di chúc của cụ P nhưng bà V không đồng ý nên bà T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ P chết để lại theo di chúc ngày 02/10/2012 đối với thửa đất số 3149. Yêu cầu bà V trả cho bà T số tiền 111.400.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T thống nhất: xác định thửa đất số 3149 là di sản do cụ B, cụ P tạo lập. Diện tích đất tranh chấp là 1.559m² và tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 3149. Đối với các tài sản khác, bà T không có tranh chấp và không yêu cầu xem xét, giải quyết. Bà T giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ P lập ngày 02/10/2012 và rút lại yêu cầu buộc bà V trả cho bà số tiền 111.400.000 đồng.

**** Tại đơn phản tố, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị V trình bày:***

Về quan hệ gia đình, về nguồn gốc đất và diện tích thửa đất đang tranh chấp thống nhất với lời trình bày của bà T. Theo bà V, việc cụ P tự ý làm di chúc tặng cho di sản cho bà T là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến các thành viên trong hộ gia đình, không thể hiện ý chí nguyện vọng của cụ P mà do bà T tự ý làm nên bà V có đơn phản tố yêu cầu: Tuyên bố hợp đồng công chứng số 108 ngày 02/10/2012 của Văn phòng công chứng M vô hiệu; Chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 3149. Bà V yêu cầu được nhận đất với diện tích là 173m², yêu cầu được quản lý phần diện tích và căn nhà gắn liền với phần đất hiện bà T đang quản lý. Vị trí đất giáp với ông Trần Hoàng L.

Vào ngày 23/11/2023, bà V có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố.

**** Tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh G trình bày:***

Bà G thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản cha mẹ để lại. Theo bà G, tại thời điểm lập di chúc cụ P đã 84 tuổi, không còn minh mẫn, bị lẫn và cụ P là người biết chữ nên việc lập di chúc lẫn tay là trái với ý nguyện của cụ P. Thửa đất số 3149 là tài sản cấp cho hộ gia đình nên việc cụ P lập di chúc tặng cho bà T thửa đất nêu trên là không phù hợp. Vì vậy, bà G không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T và có đơn yêu cầu độc lập. Bà G yêu cầu:

- Tuyên bố hợp đồng công chứng số 108 ngày 02/10/2012 của Văn phòng công chứng M do công chứng viên Nguyễn Văn T là vô hiệu.

- Chia di sản của cụ P để lại theo pháp luật. Bà G yêu cầu được chia phần đất với diện tích là 173 m², giáp với phần đất bà V, qua đo đạc thực tế có diện tích là 175,7m².

Bà G, có ông N đại diện theo ủy quyền thống nhất với trình bày của bà T về nguồn gốc của thửa đất số 3149 là di sản của cụ P, cụ B tạo lập, không phải đất của hộ gia đình. Bà G yêu cầu xác định diện tích đất tranh chấp là 1.559m² (không phải diện tích 1.647m²). Ngoài ra, bà G còn yêu cầu căn cứ theo diện tích nêu trên để chia thừa kế theo pháp luật, bà G được nhận 01 kỷ phần và nhận đất thực tế.

* Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy Tr, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị P, bà Trần Thị Thùy L có bản khai trình bày: Các bà không có tranh chấp chia thừa kế. Trường hợp, được chia thừa kế thì các bà đồng ý nhận và giao lại kỷ phần được chia cho bà T quản lý, sử dụng.

* Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Bình Phương N, anh Huỳnh Trần Quốc T, chị Trần Thanh H, ông Trần Phúc P: Không có tranh chấp và cũng không có ý kiến.

**** Văn phòng công chứng M có văn bản trình bày:***

Thời điểm chứng thực di chúc cụ Trần Thị P hoàn toàn minh mẫn, có giấy y chứng ngày 18/9/2012 của Bệnh viện tâm thần Tiền Giang. Việc công chứng, chứng thực của Văn phòng công chứng M đối với Di chúc của cụ Trần Thị P lập ngày 02/10/2012 là đúng quy định pháp luật. Đối với việc tranh chấp thừa kế của các bên, Văn phòng không có ý kiến.

* Tại Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0 - Đồng Tháp quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T về việc buộc bà V trả cho bà số tiền 111.400.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Trần Thị V.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T cụ thể:

3.1. Xác định Thừa đất số 3149, tờ bản đồ ATDC1, diện tích 1.559m² theo đo đạc thực tế là 1.605,1m² tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản của Trần Văn B và cụ Trần Thị P.

3.2. Công nhận di chúc lập ngày 02/10/2012 là đúng quy định pháp luật. Chia cho bà Trần Thị Thanh T phần đất có diện tích 857,45 m² được thừa kế theo di chúc và phần đất có diện tích 77,95m² được thừa kế theo pháp luật. Tổng diện tích bà T được chia là 935,4 m².

Giao cho bà T tiếp tục quản lý, sử dụng phần diện tích còn lại thuộc thửa 3149 chia cho các đồng thừa kế khác và các tài sản khác trên thửa đất. Bà T có nghĩa vụ thối lại cho bà G số tiền 545.650.000 đồng.

Phần đất có vị trí từ ký hiệu S5 đến ký hiệu S13 trong sơ đồ bản vẽ ngày 05/5/2025, có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp lộ giới đường tỉnh 861;

+ Phía Tây giáp cống thoát nước gồm các đoạn có tọa độ từ 26 đến 29;

+ Phía Nam giáp các đoạn có tọa độ từ 12 đến 26.

+ Phía Bắc giáp phần đất ký hiệu từ S1 đến S3 có các tọa độ 29, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 43, 44, 47, 48, 49, 50, 56, 55 (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh G:

4.1. Chia cho bà Trần Thị Thanh G 01 kỷ phần có diện tích 77,45 m² quy ra giá trị tiền là 545.650.000 đồng.

Kể từ ngày bà G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4.2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà G về việc nhận di sản bằng hiện vật và không chấp nhận yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu.

5. Án phí:

5.1. Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 114.547.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia, được trừ vào 200.000 đồng tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số 03896 ngày 08/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên phải nộp bổ sung 114.347.800 đồng.

5.2. Bà Trần Thị Thanh G phải chịu 25.826.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 2.575.000 đồng dự phí đã nộp theo các biên lai thu số 04247 và 04248 cùng ngày 13/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên phải nộp bổ sung 23.251.000 đồng.

5.3. Hoàn lại cho bà Trần Thị V 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 06135 ngày 06/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Kháng cáo:

- Ngày 07/10/2025, bà Trần Thị Thanh T là nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận khởi kiện của bà T và không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Thanh G.

- Ngày 07/10/2025, bà Trần Thị V là bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận khởi kiện của bà T và không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Thanh G.

- Ngày 06/10/2025, bà Trần Thị Thanh G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho bà G quy đổi bằng tiền, bà G không đồng ý mà phải chia bằng phần đất.

- Ngày 07/10/2025, bà Trần Thị P; Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận khởi kiện của bà T và không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Thanh G.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị P, bà Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy Tr, bà Lê Thị P, chị Phan Thị Hồng N.

- Kháng cáo của bà Trần Thị Thanh G không có yêu cầu định giá lại diện tích đất có tranh chấp thừa kế;

- Di chúc của cụ Trần Thị P lập ngày 02/10/2012 với tinh thần minh mẫn, sức khỏe bình thường, di chúc có người làm chứng, và có đọc lại cho cụ P nghe. Vì vậy, di chúc nêu trên là phù hợp với Điều 363 của Bộ luật dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị P, bà Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy T.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị V, bà Trần Thị Thanh G, bà Trần Thị P, Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy Tr; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị V, bà Trần Thị Thanh G, bà Trần Thị P, Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy Tr trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của của các bên đương sự:

Bà Trần Thị Thanh Th là nguyên đơn; Bà Trần Thị V là bị đơn và bà Trần Thị Ph; Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy Tr yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm. Bởi vì, cụ P đã có di chúc để lại di sản cho bà T là sự tự nguyện của cụ P và hoàn toàn phù hợp nên các bà đề nghị không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Thanh G, không đồng ý chia cho bà G 01 kỷ phần bằng giá trị.

Riêng bà Trần Thị Thanh G kháng cáo và yêu cầu tuyên bố Di chúc được lập ngày 02/10/2012 của Văn phòng công chứng M giữa cụ Trần Thị P và bà Trần Thị Thanh T là vô hiệu. Ngoài ra, bà G còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho bà quy đổi bằng tiền, bà G không đồng ý mà yêu cầu phải chia bằng phần đất với diện tích cụ thể là 125m².

Ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm, bà G có ông Nguyễn Văn N đại diện theo ủy quyền yêu cầu định giá lại diện tích đất có tranh chấp thừa kế.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án cho thấy:

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh T là nguyên đơn; Bà Trần Thị V là bị đơn và bà Trần Thị Thanh G; bà Trần Thị P; Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của vụ án đều thống nhất và xác định thừa đất số 3149 là di sản do cụ B, cụ P tạo lập; thống nhất diện tích đất tranh chấp là 1.559m² và tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 3149. Đối với các tài sản khác, các bên không có tranh chấp và không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tuy nhiên, theo bà G thì vào thời điểm lập di chúc cụ Trần Thị P đã 79 tuổi. Trước đây, khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng, tặng cho các diện tích đất thì cụ P ký tên nhưng thể hiện tại Di chúc ngày 02/10/2012 cụ P đã điểm chỉ.

Chúng tôi, vào thời điểm lập di chúc cụ P không còn minh mẫn. Đồng thời, trước đó bà V và bà G đã có đơn ngăn chặn thủ tục tặng cho diện tích đất thuộc thửa 3149 giữa cụ P và bà T; Địa chỉ của thửa đất không đúng....

Xét thấy:

- Về hình thức: Di chúc được lập vào ngày 02/10/2012 tại Văn phòng công chứng M, trình tự thủ tục đúng theo quy định tại Điều 636 của Bộ luật Dân sự. Tuy bà G cho rằng vào thời điểm lập di chúc, cụ Trần Thị P không còn sáng suốt, minh mẫn nhưng thể hiện tại hồ sơ là Giấy chứng y số 1941/2012 ngày 18/9/2012 của bệnh viện Tâm thần thuộc Sở y tế tỉnh Tiền Giang xác nhận thể hiện tình trạng sức khỏe của cụ P bình thường. Di chúc có người làm chứng, có đọc lại nội dung cho cụ P nghe. Như vậy tại thời điểm lập di chúc, cụ P có đủ điều kiện lập di chúc theo quy định tại khoản 2 Điều 636 của Bộ luật dân sự. Di chúc được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Về nội dung: Di chúc không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ hay trái đạo đức xã hội. Thời điểm lập di chúc, thửa đất số 3149 không có tranh chấp cũng không có thể chấp hay thực hiện các giao dịch nào khác. Vì vậy, căn cứ Luật đất đai năm 1993 sửa đổi bổ sung năm 1998 và Nghị Định số 17/1999/NĐ-CP, ngày 29/3/1999; Luật đất đai năm 2003 và Điều 151 của Nghị Định 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 thì Di chúc được lập vào ngày 02/10/2012 của cụ Trần Thị P là hợp pháp, thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của cụ trong việc phân chia di sản cho bà Trần Thị Thanh T.

[2.1] Do đó, bà T yêu cầu chia thừa kế theo di chúc là có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của bà T là có căn cứ và phù hợp.

Do thửa đất số 3149 trên là tài sản chung của cụ Trần Văn B và cụ Trần Thị P nên bà T chỉ được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất. $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại là di sản của cụ B. Cụ B chết không để lại di chúc và di sản chưa được chia nên di sản của cụ B được xem xét chia theo pháp luật là phù hợp.

Diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là $1.605,1\text{m}^2$ tăng $46,1\text{m}^2$ do xác định lại ranh theo hiện trạng sử dụng thực tế. Tuy nhiên, hàng thừa kế của cụ B thống nhất diện tích đất được công nhận là 1.559m^2 nên diện tích đất 1.559m^2 này là cơ sở để xem xét và giải quyết tranh chấp giữa các bên là phù hợp. Như vậy, diện tích bà T được thừa kế theo di chúc là $1.559\text{m}^2 : 2 = 779,5\text{m}^2$.

Diện tích đất còn lại $779,5\text{m}^2$ là di sản của cụ Trần Văn B để lại chưa chia. Do cụ P chết sau cụ B, nên hàng thừa kế theo pháp luật của cụ B gồm 09 người con chung và 01 kỷ phần thuộc về cụ . Như vậy, diện tích đất của cụ B được chia làm 10 kỷ phần, cụ thể:

$$779,5 \text{ m}^2 : 10 = 77,95\text{m}^2.$$

Hàng thừa kế của cụ B (trong đó có bà G) mỗi người hưởng 01 kỷ phần bằng nhau là $77,95\text{m}^2$.

Bà T được cụ P tặng cho diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ nên phần thừa kế theo di chúc của bà T được hưởng tổng cộng là:

$$779,5\text{m}^2 + 77,95\text{m}^2 = 857,45\text{m}^2.$$

Với những phân tích nêu trên, bà G là con của cụ B và cụ P nên bà G được hưởng 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật là 77,95m² và Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà G là có căn cứ. Bà T và bà Trần Thị P; Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy Tr không đồng ý chia thừa kế cho bà G là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bà.

[2.2] Ngoài ra, tại Đơn kháng cáo ngày 06/10/2025 của bà Trần Thị Thanh G đề nghị được hưởng thừa kế bằng diện tích đất, không có kháng cáo về giá trị di sản. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm bà G có ông N đại diện theo ủy quyền không xuất trình được giấy tờ, tài liệu, chứng cứ về giá đất. Đồng thời, với diện tích đất bà G được hưởng 01 kỷ phần thừa kế di sản của cụ B là 77,95m² đất trồng cây lâu năm không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định. Đồng thời, Hội đồng xét xử chỉ xem xét, giải quyết thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu định giá của ông N, là người đại diện theo ủy quyền của bà G.

Với những phân tích nêu trên xét thấy: Ngoài trình bày thể hiện tại đơn kháng cáo, bà G không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét ý kiến và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị P, bà Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy Tr, bà Lê Thị P, chị Phan Thị Hồng N là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận đề nghị.

[4] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận đề nghị. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Từ những nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị V, bà Trần Thị Thanh G, bà Trần Thị P, Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy Tr là không có căn cứ, không phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo của các bà.

Tuy nhiên, do bản án sơ thẩm có nội dung tại quyết định tuyên chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cần điều chỉnh cách tuyên án.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Những nội dung Tòa án cấp sơ thẩm có liên quan cần rút kinh nghiệm:

- Điều chỉnh cách tuyên án về quyền khởi kiện lại của bà Trần Thị Thanh T và bà Trần Thị V (Bà T và bà V rút đơn khởi kiện và được Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ) theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều chỉnh về kỷ phần hưởng thừa kế của bà G là 77,95m² tại trang 9 của bản án sơ thẩm do tuyên chưa chính xác.

[7] Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị V, bà Trần Thị Thanh G, bà Trần Thị P, Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy Tr phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà V là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 91, Điều 147, Khoản 1 Điều 148, điểm g khoản 1 Điều 192, Điều 217 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 468; các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 619, 628, 636, 647, 659, 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 97, 98, 99, 100, 170, 188 của Luật Đất đai;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và điểm d Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị V, bà Trần Thị Thanh G, bà Trần Thị P, Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy Tr.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T về việc buộc bà V trả cho bà số tiền 111.400.000 đồng.

4. Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Trần Thị V.

Về hậu quả của việc đình chỉ: Bà Trần Thị Thanh T và bà Trần Thị V có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật (Bà T và bà V được nhận lại các tài liệu, chứng cứ đã nộp tại Tòa án khi có yêu cầu).

5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T, cụ thể:

5.1. Xác định Thửa đất số 3149, tờ bản đồ ATDC1, diện tích 1.559m² theo đo đạc thực tế là 1.605,1m² tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp) là di sản của Trần Văn B và cụ Trần Thị P.

5.2. Công nhận Di chúc của cụ Trần Thị P lập ngày 02/10/2012 là đúng quy định pháp luật.

Bà Trần Thị Thanh T được hưởng di sản thừa kế theo di chúc của cụ Trần Thị P diện tích là 857,45m² và diện tích 77,95m² là di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Trần Văn B. Tổng diện tích đất bà T được hưởng thừa kế là 935,4m².

Giao cho bà T tiếp tục quản lý, sử dụng phần diện tích còn lại thuộc thửa đất số 3149 chia cho các đồng thừa kế khác và các tài sản khác trên thửa đất.

Phần đất có vị trí từ ký hiệu S5 đến ký hiệu S13 trong sơ đồ bản vẽ ngày 05/5/2025, có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp lộ giới đường tỉnh 861;
- + Phía Tây giáp công thoát nước gồm các đoạn có tọa độ từ 26 đến 29;
- + Phía Nam giáp các đoạn có tọa độ từ 12 đến 26.
- + Phía Bắc giáp phần đất ký hiệu từ S1 đến S3 có các tọa độ 29, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 43, 44, 47, 48, 49, 50, 56, 55.

(Kèm theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 05/5/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 0 – Đồng Tháp).

6. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh G:

6.1. Bà Trần Thị Thanh G được hưởng 01 kỷ phần thừa kế có diện tích 77,95m² quy ra giá trị tiền là 545.650.000 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Trần Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Trần Thị Thanh G giá trị di sản là diện tích đất 77,95m² thành tiền là 545.650.000 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6.2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Thanh G về việc nhận di sản bằng hiện vật và không chấp nhận yêu cầu tuyên bố Di chúc của cụ Trần Thị P lập ngày 02/10/2012 là vô hiệu.

7. Về án phí:

- Bà Trần Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

- Bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị P, bà Trần Thị Thanh G, bà Trần Thanh B (Trần Thị Thanh B), bà Trần Thị Thùy L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy Tr mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

+ Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà T theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004098, ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

+ Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà P (Trần Thị P) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004094, ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà P đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

+ Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà T theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004101, ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

+ Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Thanh B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004102, ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà Thanh B đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

+ Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Tr theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004105, ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà Tr đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

+ Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà L theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004099, ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà L đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

+ Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà G theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003576, ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà G đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 114.547.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03896 ngày 08/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0 – Đồng Tháp). Vì vậy, bà T còn phải nộp tiếp số tiền 114.347.800 đồng (Một trăm mười bốn triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm đồng).

Bà Trần Thị Thanh G phải chịu 25.826.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.575.000 đồng (Hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04247 và 04248 cùng ngày 13/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0 – Đồng Tháp) nên bà G còn phải nộp tiếp số tiền 23.251.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng).

Bà Trần Thị V được nhận lại số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06135 ngày 06/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0 – Đồng Tháp).

8. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng TT,KT &THA TAT
- VKSND Tỉnh;
- Thi hành án dân sự Tỉnh;
- Tòa án ND khu vực 0;
- Phòng THADS khu vực 0;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Liên Hiệp